

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ VỐN ODA

VƯƠNG THANH HÀ *

1. Những kinh nghiệm thành công của các nước trong quản lý vốn ODA.

a. Xác định lĩnh vực ưu tiên hợp lý.

Thông thường, căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội dài hạn và ngắn hạn mà mỗi nước xác định lĩnh vực đầu tư vốn ODA cụ thể.

Kê-ni-a là một nước đang phát triển điển hình ở Đông Phi, là nước có tầm quan trọng về cả kinh tế và chính trị của khu vực; đồng thời cũng là một thị trường tiềm năng, là nơi cung cấp một khối lượng cà phê và chè lớn trên thế giới... Tại Kê-ni-a, từ năm 1987 đến nay, vốn ODA được thu hút và trải rộng trên nhiều lĩnh vực nhưng cũng thường tập trung vào một số lĩnh vực cơ bản: 30% dành cho cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải và năng lượng; 15% cho nông nghiệp và lâm nghiệp; 10% cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế. Các dự án về giáo dục và đào tạo ở Kê-ni-a đã được các nhà tài trợ đánh giá là có hiệu quả cao. Giáo dục tiểu học miễn phí đã làm cho số lượng học sinh đến trường tăng lên đáng kể...

Tại Đài Loan, do xác định nông nghiệp là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu nên ngay từ đầu những năm 50 của thế kỷ XX, trong tổng số 267 triệu USD nhận viện trợ, Đài Loan đã chi 50% cho lĩnh vực nông nghiệp, tiếp theo là các lĩnh vực khác như kỹ thuật, công nghiệp, hạ tầng, thủy lợi, giao thông... Các nước khác như Thái Lan, Xinh-ga-po... chủ yếu dành vốn ODA cho hạ tầng kinh tế: giao thông, viễn thông, năng lượng... là những dự án đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn chậm... không hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài nhưng lại giúp nâng cấp cơ sở hạ

tầng kinh tế - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

b. Quy định mức vay và trả nợ hàng năm.

Phần vốn ODA hoàn lại thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng ODA, thông thường khi tổng mức ODA càng cao thì tỉ trọng vốn hoàn lại cũng ngày càng cao. Do vậy, nếu không quy định mức vay và trả nợ hàng năm thì sẽ dẫn đến sử dụng không hiệu quả đồng vốn, vay tràn lan và để lại gánh nặng nợ nần cho thế hệ sau.

Tại Thái Lan, một dự án, đặc biệt là dự án vay nợ, trước khi đề xuất với phía cấp viện trợ thường phải xem xét và tiến hành nhiều bước để xác định:

- *Tính cấp thiết của dự án:* Nên vay nợ nước ngoài hay huy động trong nước. Nếu vay, mức vốn cần vay là bao nhiêu phải được ghi rõ.

- *Hiệu quả sử dụng và khả năng hoàn vốn vay:* Sau khi các vấn đề trên được phân tích kỹ, Chính phủ sẽ tiến hành đàm phán với các đối tác để xác định, lựa chọn nguồn vay với mức lãi suất nhất định và các điều kiện khác. Khi chưa có sự phê duyệt của Chính phủ, các chủ dự án không được tiếp xúc với các đối tác nước ngoài để đảm bảo tính hiệu quả của việc sử dụng vốn, tránh những cuộc vận động ngầm không khách quan có thể xảy ra.

Một trong những biện pháp giúp Thái Lan không bị sa lầy vào vòng nợ nần là xác định "trần" vay, trả hằng năm. Một khoản vay

* Học viện Ngoại giao.

không được tính là nguồn thu ngân sách nhưng các khoản trả nợ được Nhà nước cân đối trong ngân sách quốc gia hằng năm. Chính phủ Thái Lan quy định mức vay nợ không được vượt quá 10% kế hoạch thu ngân sách, mức trả nợ bằng 9% kim ngạch xuất khẩu hoặc 20% chi ngân sách hằng năm. Sự khống chế này nhằm cân đối khả năng vay, trả nợ, mức xuất khẩu của đất nước, tránh vay mượn tràn lan. Nhiều dự án phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, có nguồn vay nhưng vượt quá giới hạn cho phép đều bị gác lại. Là một nước có mức vay nợ nước ngoài cao (giai đoạn 1980-1986 mức vay nợ mỗi năm bình quân khoảng 1,75 tỉ USD) nhưng Thái Lan luôn trả nợ đúng hạn (trung bình mỗi năm khoảng 1 tỉ USD).

c. Thực hiện tốt công tác vận động ODA.

Tại Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a đã xuất bản "Quyển sách xanh" trong đó ghi các dự án ưu tiên đề nghị vốn đầu tư từ ODA và các nguồn vốn khác cho tài khoá năm sau. "Quyển sách xanh" được gửi đến các tổ chức quốc tế, các nước cấp viện trợ. Đồng thời, các cơ quan của Chính phủ có liên quan phải chuẩn bị tốt các tài liệu và sự bình luận cần thiết để có thể kịp thời cung cấp cho các tổ chức viện trợ về từng dự án cụ thể. Ma-lai-xi-a chọn lọc rất kĩ các dự án vay vốn ODA và chỉ tiếp nhận những dự án có quy mô lớn.

Trung Quốc có mức đầu tư đến 200 tỉ USD mỗi năm; trong đó, vốn ODA từ các nhà tài trợ song phương và đa phương chỉ vào khoảng 5 tỉ USD, chiếm một tỉ trọng nhỏ so với các nước đang phát triển khác. Song, Trung Quốc đã luôn quan tâm đến việc tối đa hoá lợi ích, kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ từ nguồn vốn ODA.

Chuẩn bị dự án cũng được Trung Quốc rất chú trọng và thực hiện tương đối tốt với các hướng dẫn nghiên cứu khả thi toàn diện tuân theo một trình tự hết sức logic nên không bỏ sót bất cứ khâu kĩ thuật nào. Những thủ tục chi tiết được ban hành về đệ trình, kiểm tra và phê duyệt các dự án xây dựng đòi hỏi phải tuyệt đối tuân thủ. Những hạn mức về chi phí dự án phải được xác định để trình chính quyền địa phương, bộ, ngành và cuối cùng là Ủy ban Kế

hoạch Phát triển Nhà nước phê duyệt. Cơ quan này đóng vai trò quan trọng trong việc sàng lọc các dự án thông qua việc đánh giá kĩ các giá trị kinh tế, tài chính và xã hội của dự án. Quy trình lập kế hoạch về cơ bản là từ cơ sở lên. Trung Quốc đã ban hành các hướng dẫn chi tiết về các hoạt động ở từng khâu trong chu kì dự án tiến tới phê duyệt cuối cùng với thẩm quyền được giao ở các cấp chính quyền địa phương và bộ, ngành. Để đạt được kết quả cao nhất, Chính phủ Trung Quốc quy định các chủ dự án phải lựa chọn các viện thiết kế có năng lực cao nhất thông qua đấu thầu cạnh tranh.

Bên cạnh đó, không thể không tính đến vai trò của các nhà tài trợ nếu muốn dự án được chuẩn bị tốt. Trong việc xây dựng (nghiên cứu khả thi) F/S và đánh giá hiệu quả của các dự án ODA, Ma-lai-xi-a tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, đồng thời, có sự tham gia phối hợp chặt chẽ với các nhà tài trợ trong các hoạt động này. Do vậy, khi nhà tài trợ xây dựng xong F/S là Chính phủ Ma-lai-xi-a phê duyệt ngay và nhờ đó họ đã rút ngắn được công đoạn này. Tương tự như vậy, Chính phủ Ma-lai-xi-a cũng áp dụng kịp thời kết quả đánh giá sau dự án của các nhà tài trợ để cải tiến chất lượng thiết kế các dự án mới; Ma-lai-xi-a không gặp nhiều vướng mắc do sự khác biệt về thủ tục trong nước và thủ tục của các nhà tài trợ vì các dự án ODA của nhà tài trợ nào thì tuân thủ hướng dẫn và quy định của nhà tài trợ đó.

d. Phối hợp quản lý và mở rộng phân cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước.

Ma-lai-xi-a có sự phân định rõ về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ODA. Giữa các cơ quan này có sự phối hợp chặt chẽ và có chung một nhận thức là tạo thuận lợi tối đa cho các ban quản lý dự án để thực hiện các dự án ODA đúng tiến độ, áp dụng các thủ tục trình duyệt nhanh gọn nhằm giảm bớt phí cam kết. Những hợp phần nào trong dự án khó thực hiện, Chính phủ Ma-lai-xi-a chủ động đề nghị với nhà tài trợ huỷ bỏ hợp phần đó. Hiện nay, các đề nghị thanh toán được tiến hành trên mạng vi tính, phục vụ tốt cho công tác theo dõi, giám sát của các cơ quan liên quan; những vướng mắc trong quá

trình thực hiện dự án thông qua đơn vị điều phối thực hiện tại các bang, Ban công tác phát triển bang và Hội đồng Phát triển quận, huyện.

Tại một số quốc gia giàu kinh nghiệm về thực hiện các dự án ODA như Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,... phần lớn quá trình ra quyết định trong giai đoạn triển khai dự án đều được các bộ, ngành thực hiện. Tại Phi-líp-pin, thứ trưởng phê duyệt thiết kế sơ bộ và thiết kế chi tiết của dự án. Việc cấp phép hợp đồng ở Thái Lan chỉ duy nhất do các bộ, ngành đảm trách. Còn tại In-đô-nê-xi-a, việc ra quyết định được phân cấp rõ hơn, việc phê duyệt hồ sơ thầu, xét thầu cũng như các hợp đồng có trị giá dưới 50 tỉ rupia (tương đương 10 triệu USD) do cấp giám đốc dự án thực hiện. Có thể xem đây là một hệ thống phê duyệt phân cấp có hiệu quả; trong đó, trao mức độ quyền hạn tương đối rộng cho các bộ, ngành. Các bộ, ngành đóng vai trò là cơ quan quyết định ở từng giai đoạn thực hiện dự án như xét thầu và các hợp đồng.

F/S tại Thái Lan được các cơ quan chủ quản chuẩn bị và được xem xét bởi Ban Phát triển kinh tế và xã hội Quốc gia cũng như các cơ quan khác như Bộ Tài chính, Ban Ngân sách, Văn phòng Kế hoạch và Chính sách môi trường. Sau đó, Chính phủ sẽ phê duyệt F/S. Đối với các dự án vay vốn ODA, Ủy ban Quản lý nợ nước ngoài sẽ phê duyệt khoản vay, và sau đó Ban Ngân sách sẽ phân bổ cho các dự án thuộc phạm vi ngân sách.

Quản lý đầu thầu ở Thái Lan cũng chủ yếu do cơ quan chủ quản thực hiện. Cấp xét duyệt kí hợp đồng tùy theo quy mô từng hợp đồng: ít hơn 50 triệu baht do thủ trưởng cơ quan phê duyệt; từ 50 đến 100 triệu baht do thư kí thường trực phê duyệt; hơn 100 triệu baht do bộ trưởng phê duyệt.

Ngoài ra, việc nhất quán trong công tác bố trí cán bộ cũng là khâu quan trọng. Với Trung Quốc, không có sự thay đổi về nhân sự chịu trách nhiệm thực hiện dự án, hầu hết các nhà quản lý dự án và cán bộ chủ chốt vẫn tiếp tục vận hành và bảo trì những dự án mới kết thúc. Trung Quốc làm được điều này bằng cách thành lập các phòng chuẩn bị dự án hay các cơ quan thường trực chịu trách nhiệm theo dõi

và quản lý trong suốt quá trình thực hiện dự án. Sự liên tục của đội ngũ cán bộ luôn được đảm bảo trong quá trình thực hiện dự án để không có vấn đề vướng mắc nào liên quan đến nguồn nhân lực thực hiện dự án.

đ. Chú trọng công tác kiểm toán và đánh giá sau dự án.

Ở Trung Quốc, công tác này được thực hiện rất tốt, chặt chẽ ở từng khâu. Cơ quan kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm kiểm toán các dự án theo Quy chế kiểm toán của Chính phủ. Công tác kiểm toán được thực hiện ở ba giai đoạn: trước khi dự án khởi công, trong quá trình thực hiện dự án và sau khi dự án hoàn thành.

Trung Quốc chú trọng đặc biệt đến công tác đánh giá sau dự án và vai trò của công tác này trong việc ra quyết định và quản lý dự án. Do hầu hết các nguồn đầu tư cho dự án được huy động từ nguồn tiết kiệm trong nước nên tính hiệu quả và hiệu dụng của đầu tư tác động rất lớn đến sự phát triển của nền kinh tế. Trên cơ sở tổng kết các bài học kinh nghiệm, Trung Quốc đã ban hành các quy định chung áp dụng cho việc đánh giá những dự án vay vốn ODA.

Còn tại Ba Lan, để sử dụng vốn ODA đạt hiệu quả, trước hết phải tập trung đầu tư vào nguồn nhân lực và năng lực thể chế. Cơ sở luật pháp rõ ràng và chính xác là điều kiện để kiểm soát và thực hiện thành công các dự án ODA. Ba Lan luôn đề cao hoạt động phối hợp với đối tác viện trợ.

Ở Ba Lan, các nguồn hỗ trợ được coi là "quỹ tài chính công", việc mua sắm tài sản công phải tuân theo *Luật Mua sắm công* và những quy tắc kế toán chặt chẽ. Quá trình giải ngân khá phức tạp nhằm kiểm soát đồng tiền được sử dụng đúng mục đích; trong đó, nhà tài trợ có thể yêu cầu nước nhận viện trợ thiết lập hoặc sửa đổi hệ thống thể chế và hệ thống luật pháp. Cơ quan chịu trách nhiệm gồm có các bộ, một số cơ quan thuộc Chính phủ; trong đó, Bộ Phát triển đóng vai trò chủ đạo.

Ba Lan đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm soát và kiểm toán. Công tác kiểm toán tập trung vào kiểm toán các hệ thống quản lý; trong đó chịu trách nhiệm gồm có kiểm toán

nội bộ của mỗi cơ quan, các công ty kiểm toán nước ngoài được thuê và các dịch vụ kiểm toán của Ủy ban châu Âu. Khi công tác kiểm toán phát hiện có những sai sót, sẽ thông báo các điểm không hợp lệ cho tất cả các cơ quan.

Công tác kiểm soát tập trung vào kiểm tra tình hình hợp pháp và tính hợp thức của các giao dịch, kiểm tra hàng năm và chứng nhận các khoản chi tiêu, kiểm tra cuối kì, kiểm tra bất thường.

Theo Chính phủ Ba Lan, kiểm tra và kiểm toán thường xuyên không phải để cản trở mà nhằm thúc đẩy quá trình triển khai dự án.

2. Những kinh nghiệm chưa thành công trong quản lý nhà nước về vốn ODA.

a. Định hướng trong thu hút và sử dụng vốn ODA thiếu căn cứ khoa học.

Định hướng tốt là yêu cầu đầu tiên để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA, bởi sẽ giúp cho ODA được sử dụng đúng mục đích và tránh được gánh nặng nợ nần cho nước nhận tài trợ.

Tuy nhiên, có một số nước chưa quan tâm đến vấn đề này. Khi nguồn viện trợ ODA ngày càng tăng thì việc sử dụng lãng phí, đầu tư tràn lan cũng có xu hướng tăng, nhất là trong giai đoạn đầu của vốn vay, khi nghĩa vụ trả nợ gốc còn ẩn dấu sau thời gian ân hạn. Họ đã không cân nhắc đến nhu cầu thực tế, đến khả năng hấp thụ ODA, khả năng trả nợ của đất nước nên xây dựng những dự án thiếu căn cứ khoa học và luận chứng kĩ thuật chưa chặt chẽ. Ví dụ, ở một số nước châu Mỹ La-tinh, việc thu hút vốn ODA không tạo được điều kiện tăng trưởng kinh tế do đại bộ phận số vốn sử dụng vào mục đích phi sản xuất, nhập hàng tiêu dùng nên biến nguồn vốn này trở thành mảnh đất màu mỡ cho nạn tham nhũng, lạm dụng công quỹ của các quan chức. Điển hình là Bra-xin, bằng vốn vay nước ngoài, nước này đồng thời tiến hành một chương trình kinh tế cực kì to lớn bao gồm một loạt dự án: xây dựng tuyến đường sắt từ Miras Gerais tới Sao Paolo kéo dài hơn 3 năm; xây dựng nhiều nhà máy thủy điện mà chỉ riêng một nhà máy đã tiêu tốn số vốn gấp 10 lần số vốn đầu tư vào chương trình thủy lợi ở toàn vùng Đông Bắc (khoảng 620 triệu USD). Ngoài ra, Bra-

xin còn đầu tư vốn ODA vào 9 nhà máy hạt nhân. Kết quả là Bra-xin đã trở thành con nợ lớn nhất: 108 tỉ USD năm 1986 và là một trong hai nước đầu tiên tuyên bố vỡ nợ vào tháng 8-1992.

Ở Châu Phi, nguồn viện trợ đã tập trung quá lớn vào xây dựng công xưởng, biệt thự lớn, vào phát triển đô thị mà không quan tâm đến phát triển nông nghiệp, đầu tư không cân đối, chú trọng nhiều đến khu vực làm ăn thua lỗ, cần sự bao cấp của nhà nước nên dẫn tới sử dụng vốn kém hiệu quả, gây tổn thất lớn cho nền kinh tế quốc dân. Mặc dù nguồn vốn ODA đổ vào những nước SSA (Sub Sahara Africa) những năm 80 lên tới 35- 40% tổng ODA thế giới với mức ưu đãi rất cao, tỉ lệ cho không tới 60-80% nhưng tốc độ tăng trưởng ở các nước này trong thời gian đó liên tục giảm.

b. Thiếu sự tập trung hoá và điều phối quản lý ODA.

Tại Trung Quốc, có một số vấn đề liên quan đến vốn ODA được thực hiện rất tốt nhưng Trung Quốc lại không có cơ quan đầu mối của Chính phủ trong việc vận động, thu hút, điều phối, theo dõi và đánh giá các dự án ODA. Hiện nay, ở Trung Quốc, chỉ có 4 cơ quan chính tham gia quản lý ODA. Đó là: Ủy ban Kế hoạch Phát triển nhà nước, chịu trách nhiệm về lựa chọn, sàng lọc và thẩm định các dự án đầu tư; Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, chịu trách nhiệm về xây dựng dự án và kêu gọi các nhà tài trợ cấp vốn cho những dự án lựa chọn sau khi Ủy ban Kế hoạch Phát triển nhà nước phê duyệt; Bộ Ngoại thương và Hợp tác kinh tế, chịu trách nhiệm quản lý nguồn viện trợ không hoàn lại; Bộ Tài chính, chịu trách nhiệm về nguồn vốn vay ưu đãi.

Việc quản lý vốn ODA còn phân tán và thiếu một đầu mối thống nhất dẫn tới hiện tượng không có sự phối hợp hợp lý giữa các nguồn vốn khác nhau. Chẳng hạn, vốn UNDP và các nguồn vốn song phương, Trung Quốc giao cho Bộ Kinh mậu Quốc tế, vốn WB giao cho Bộ Tài chính, vốn ADB giao cho Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Kế hoạch Phát triển nhà nước chịu trách nhiệm cân đối chung và hướng dẫn thực hiện.

Bên cạnh đó, không có mối dây liên hệ rõ

ràng giữa các dự án hỗ trợ kỹ thuật được tài trợ bằng nguồn viện trợ không hoàn lại và các dự án được tài trợ bằng các nguồn vốn vay ưu đãi do các nguồn vốn này chịu sự quản lý bởi hai cơ quan khác nhau. Nguồn viện trợ không hoàn lại không được sử dụng để hỗ trợ các khoản vay và điều này có thể xem như một thiếu sót cần khắc phục.

Ngoài ra, khi ODA là mảnh đất màu mỡ của tệ nạn tham nhũng và các biến tướng của nhiều dạng thao túng, biển thủ ngân quỹ viện trợ thì cũng không thể phát huy được tác dụng phát triển đất nước.

3. Một số bài học kinh nghiệm trong quản lý nhà nước về vốn ODA đối với Việt Nam.

Các nước phát triển khi viện trợ ODA đều gắn với những lợi ích và chiến lược như mở rộng thị trường, mở rộng hợp tác có lợi cho họ, đảm bảo mục tiêu về an ninh - quốc phòng hoặc theo đuổi mục tiêu chính trị..., đều có chính sách riêng hướng vào một lĩnh vực mà họ quan tâm hay họ có lợi thế (những mục tiêu này thay đổi cùng với tình hình phát triển kinh tế-chính trị - xã hội trong nước, khu vực và trên thế giới), chẳng hạn như về kinh tế, nước tiếp nhận ODA phải chấp nhận dỡ bỏ dần hàng rào thuế quan bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ và bằng thuế xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước tài trợ. Nước tiếp nhận ODA cũng được yêu cầu từng bước mở cửa thị trường bảo hộ cho những danh mục hàng hoá mới của nước tài trợ; yêu cầu có những ưu đãi đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài như cho phép họ đầu tư vào những lĩnh vực hạn chế, có khả năng sinh lời cao. Bên cạnh đó, nguồn vốn ODA từ các nước giàu cung cấp cho các nước nghèo cũng thường gắn với việc mua các sản phẩm từ các nước này mà không hoàn toàn phù hợp, thậm chí là không cần thiết đối với nước nhận viện trợ (ví dụ, các dự án ODA trong lĩnh vực đào tạo, lập dự án và tư vấn kỹ thuật, phần trả cho các chuyên gia nước ngoài thường chiếm đến hơn 90%...).

Nguồn vốn viện trợ ODA còn được gắn với các điều khoản mậu dịch đặc biệt nhập khẩu tối đa sản phẩm của các nước viện trợ. Cụ thể là nước cấp ODA buộc nước tiếp nhận ODA

phải chấp nhận một khoản ODA là hàng hoá, dịch vụ do họ sản xuất. Nước tiếp nhận ODA tuy có toàn quyền quản lý sử dụng ODA nhưng thông thường, các danh mục dự án ODA cũng phải có sự thoả thuận, đồng ý của nước viện trợ, dù không trực tiếp điều hành dự án nhưng họ có thể tham gia gián tiếp dưới hình thức nhà thầu hoặc hỗ trợ chuyên gia.

Ngoài ra, tình trạng thất thoát, lãng phí; xây dựng chiến lược, quy hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA vào các lĩnh vực chưa hợp lý; trình độ quản lý thấp, thiếu kinh nghiệm trong quá trình tiếp nhận cũng như xử lý, điều hành dự án... khiến cho hiệu quả và chất lượng các công trình đầu tư bằng nguồn vốn này còn thấp..., có thể đẩy nước tiếp nhận ODA vào tình trạng nợ nần...

Như vậy, vốn ODA, ngoài vai trò tích cực là bổ sung một nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, xoá đói giảm nghèo, cải cách chính sách, thể chế, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển giao công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến ở các nước đang phát triển thì cũng còn một số hạn chế trong việc thu hút và sử dụng nguồn vốn này. Do đó, trên cơ sở phân tích những thành công và chưa thành công của một số nước trên thế giới, có thể đưa ra một số bài học đối với Việt Nam như sau:

- Cần nâng cao nhận thức, quan tâm và hài hoà các khía cạnh cả về chính trị và kinh tế trong quá trình huy động và sử dụng ODA.

- Tuy ODA là nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển song không thể thay thế được nguồn lực nội sinh mà chỉ có tác dụng bổ sung và xúc tác cho quá trình phát triển.

- Nguồn vốn ODA, kể cả ODA không hoàn lại, không phải là "thứ cho không", do vậy, cần đề cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng ODA.

- Cần đảm bảo sự cam kết mạnh mẽ, chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành và có sự tham gia rộng rãi của người dân vào quá trình quản lý.

- Cần xây dựng mối quan hệ hợp tác quốc tế tin cậy lẫn nhau và thực hiện đầy đủ các cam kết, tăng cường đối thoại, chia sẻ, tạo chữ tín trong quan hệ quốc tế nói chung và hợp tác phát triển nói riêng□